

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 17/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 30 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao chi tiết kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thị xã: Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025 (lần 5); Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 về kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025 (lần 6); Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/11/2023 về kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025 (lần 7); Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 về kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025 (lần 8); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (lần 9);

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND thị xã thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 19/7/2024 của UBND thị xã về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 22/7/2024 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 – Chi tiết tại Biểu 1 kèm theo

Theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND thị xã, kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương là 107.900 triệu đồng, trong đó:

- Vốn XDCB TT:	24.200 triệu đồng
- Vốn sử dụng đất:	14.700 triệu đồng
- Vốn SNKT chuyển sang đầu tư:	55.000 triệu đồng
- Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học:	14.000 triệu đồng

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương: 124.816 triệu đồng (tăng 16.916 triệu đồng gồm có: 6.859 triệu đồng vốn CT MTQG tỉnh giao và 10.057 triệu đồng vốn kết dư chuyển sang đầu tư), trong đó:

- Vốn XDCB TT:	24.200 triệu đồng
- Vốn sử dụng đất:	14.700 triệu đồng
- Vốn SNKT chuyển sang đầu tư:	55.000 triệu đồng
- Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học:	14.000 triệu đồng
+ Vốn kết dư chuyển sang đầu tư:	10.057 triệu đồng
+ Vốn CT MTQG NTM:	6.859 triệu đồng

2. Danh mục dự án đầu tư và kế hoạch bố trí vốn năm 2024

2.1 Danh mục dự án

Tổng số 44 dự án (26 dự án chuyển tiếp và 18 dự án khởi công mới) đầu tư trong các lĩnh vực: Quy hoạch 13 dự án, 09 dự án giao thông, 10 dự án giáo dục, 07 dự án VHXH, 02 dự án KHCV, 01 dự án lĩnh vực Y tế, 01 dự án lĩnh vực khác và 01 dự án Chương trình MTQG XD NTM. Cụ thể:

- Danh mục dự án đầu tư theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023: 45 dự án (28 dự án chuyển tiếp và 17 dự án khởi công mới).

- Danh mục dự án đưa ra ngoài KHV năm 2024: 08 dự án - **Chi tiết tại Biểu 1-1 kèm theo.**

- Danh mục dự án bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024: 06 dự án – **Chi tiết tại Biểu 1-2 kèm theo.**

- Danh mục dự án chương trình MTQG XD NTM: 01 dự án – **Chi tiết tại Biểu 1-3 kèm theo.**

Ngoài ra bố trí vốn tất toán 03 dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

2.2 Kế hoạch bố trí vốn

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 500 triệu đồng..
- Dự án chuyển tiếp: 26 dự án với số vốn bố trí là 36.382 triệu đồng, trong đó có 12 dự án quy hoạch, 04 dự án Hạ tầng, giao thông, 08 dự án giáo dục, 02 dự án VHXXH.
- Dự án khởi công mới: Đã phân bổ 12 dự án với số vốn bố trí là 74.524 triệu đồng trong đó: 04 dự án Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, 02 dự án giáo dục, 02 dự án KHCN, 01 dự án Y tế, 03 dự án VHXXH và 06 dự án với số vốn là 13.259 triệu đồng tại Mục IV - Biểu 1 khi đủ điều kiện giao vốn (Gồm có: 01 dự án quy hoạch, 01 dự án Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, 02 dự án lĩnh vực VHXXH, 01 dự án lĩnh vực khác và 01 dự án Chương trình MTQG XD NTM).
- Vốn tất toán dự án: 03 dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán với số vốn là 151 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế- xã hội; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ 13, thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- 02 Ban và ĐB.HĐND, TV.UBND thị xã;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn

BIỂU 1
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 27/7/2024 của Hội đồng nhân dân thị xã)

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Đơn vị tính: Triệu đồng		
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó					Giảm	Tăng	Ghi chú	
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư				Vốn CT MTQG XD NTM
1	2	3	4	5	6	7	$8=9+10+11+12$	9	10	11	12	$13=14+15+16+17+18$	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)			409.518	413.777	157.781	107.900	24.200	14.700	55.000	14.000	124.816	24.200	14.700	55.000	14.000	10.057	6.859	- 21.637	38.553	
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			500			500		-	500		500		-	500						
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP			236.239	240.772	153.598	38.332	12.357	3.950	10.825	11.200	36.382	3.947	6.830	14.405	11.200	-		-8.382	6.432	
I	Quy hoạch			23.372	23.372	10.295	11.507	11.507	0	0	0	4.245	2.760	0	1.485	0	0	0	-7.262	0	
1.1	Quy hoạch phân khu phường Sơn Giang tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	1231/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	2.709	2.709	1.470	1.104	1.104			-	320	-		320	-			-784	-	Cập nhật tên dự án điều chỉnh
1.2	Quy hoạch phân khu phường Long Phước tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	377/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	3.820	3.820	2.400	1.135	1.135			-	648	648			-			-487	-	Cập nhật tên dự án điều chỉnh
1.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu phố Sơn Long, phường Sơn Giang	Phòng QLĐT	637/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	2.306	2.306	1.000	1.191	1.191			-	415	-		415	-			-776	-	
1.4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hồ Đăk Krat, phường Long Phước	Phòng QLĐT	657/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	1.258	1.258	655	540	540			-	245			245	-			-295	-	
1.5	Quy hoạch phân khu phường Long Thủy tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	539/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	2.272	2.272	750	1.309	1.309			-	444	444			-			-865	-	Cập nhật tên dự án điều chỉnh
1.6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 1, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	772/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.737	1.737	620	1.030	1.030			-	324	324			-			-706	-	
1.7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	771/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.910	1.910	645	1.170	1.170			-	351	351			-			-819	-	

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tình hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tình hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22'
1.8	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình	Phòng QLĐT	Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.546	1.546	570	899	899			-	294	294			-			-605	-	
1.9	Quy hoạch phân khu phường Thác Mơ tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT	657/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	2.254	2.254	765	1.376	1.376			-	425	425			-			-951	-	Cập nhật tên dự án điều chỉnh
1.10	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nhơn Hòa 2, xã Long Giang	Phòng QLĐT	Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	560	305	305			-	137	137			-			-168	-	
1.11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và bảo tồn văn hóa dân tộc STiếng	Phòng QLĐT	1041/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	910	910	560	305	305			-	137	137			-			-168	-	
1.12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung Tâm xã Phước Tín	Phòng QLĐT	1469/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	1.740	1.740	300	1.143	1.143			-	505			505	-			-638	-	
2	Hạ tầng-Giao thông			142.100	146.500	97.403	5.590	-	-	5.590	-	11.035	445	2.880	7.710	-	-		-900	6.345	
2.1	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	Ban QLDA ĐTXD	512/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	99.000	99.000	68.153	1.400			1.400		550			550				-850	-	
2.2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Khuyến và đường nhánh	Ban QLDA ĐTXD	170/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	4.800	4.500	4.150	400			400		350			350				-50	-	
2.3	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thủy (Gói 3)	Ban QLDA ĐTXD	760/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	15.300	20.000	13.600	935			935		935			935				-	-	
2.4	Đầu tư hạ tầng, san lấp mặt bằng nghĩa trang nhân dân TX Phước Long tại xã Long Giang	Ban QLDA ĐTXD	1259/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	23.000	23.000	11.500	2.855			2.855		9.200	445	2.880	5.875				-	6.345	
3	Giáo dục			57.467	57.600	37.100	17.400	850	3.950	1.400	11.200	17.292	742	3.950	1.400	11.200	-		-195	87	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3.1	Xây dựng 09 phòng học trường TH Sơn Giang	Ban QLDA ĐTXD	132/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.000	6.000	5.400	300	300				200	200						-100	-	
3.2	XD 04 phòng chức năng, khu hiệu bộ trường TH Phước Tín B	Ban QLDA ĐTXD	133/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	4.500	4.500	4.050	225	225				312	312						-	87	
3.3	XD 03 phòng học, 04 phòng chức năng và các phòng hiệu bộ trường TH Phan Bội Châu	Ban QLDA ĐTXD	134/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	6.500	6.500	5.850	325	325				230	230						-95	-	
3.4	XD 06 phòng học trường TH Lê Hồng Phong	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	4.800	4.800	3.800	700				700	700				700			-	-	
3.5	XD 6 phòng học trường THCS Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	996/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.000	5.000	3.800	950		250		700	950		250		700			-	-	
3.6	Xây dựng 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập và 01 phòng phụ trợ trường THCS Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	999/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	5.667	5.800	3.800	1.600		200		1.400	1.600		200		1.400			-	-	
3.7	Xây dựng 11 phòng học tập, 02 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	1257/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	12.500	12.500	5.200	6.650		1.750	700	4.200	6.650		1.750	700	4.200			-	-	
3.8	Xây dựng 08 phòng học, 01 phòng phụ trợ, 02 phòng học tập và 01 phòng hỗ trợ học tập trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ban QLDA ĐTXD	1256/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	12.500	12.500	5.200	6.650		1.750	700	4.200	6.650		1.750	700	4.200			-	-	
4	VHXH			13.300	13.300	8.800	3.835	-	-	3.835	-	3.810	-	-	3.810	-	-	-	-25	-	
4.1	Đầu tư công viên phường Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	1266/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.000	8.000	5.600	2.000			2.000		2.000			2.000				-	-	
4.2	Nâng cấp, chỉnh trang bia tưởng niệm các chiến sỹ cách mạng ở nhà tù Bà rá Phước Long	Ban QLDA ĐTXD	1260/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	5.300	5.300	3.200	1.835			1.835		1.810			1.810				-25	-	
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI			114.403	114.626	0	55.719	9.674	6.870	36.375	2.800	74.524	20.159	6.870	37.785	2.800	6.910	0	-500	19.305	
IIIa	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU NĂM KH			99.503	99.726	0	55.719	9.674	6.870	36.375	2.800	67.074	20.159	6.870	37.245	2.800	0	0	-500	11.855	
1	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật - Giao thông			57.500	57.500	-	20.899	2.624	1.500	16.775	-	32.754	13.209	1.630	17.915	-	-	-	-	11.855	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giám	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1.1	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến thôn 7 xã Long Giang)	Ban QLDA ĐTXD	Số 156/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	52.000	52.000		16.774	2.624	1.500	12.650		28.324	13.209	1.630	13.485				-	11.550	
1.2	Thăm nhựạ sân và đường nội bộ chợ Phước Long	Ban QLDA ĐTXD	Số 155/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.500	5.500		4.125			4.125		4.430			4.430				-	305	
2	Lĩnh vực Giáo dục			11.600	11.600	-	8.700	-	-	5.900	2.800	8.700	-	-	5.900	2.800	-		-	-	
2.1	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng học tập và 01 phòng phụ trợ trường THCS Long Phước	Ban QLDA ĐTXD	Số 159/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800		4.350			2.950	1.400	4.350			2.950	1.400			-	-	
2.2	Xây dựng 02 phòng học tập, 04 phòng hỗ trợ học tập, 01 phòng phụ trợ và nhà bảo vệ trường TH Thác Mơ	Ban QLDA ĐTXD	Số 157/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	5.800	5.800		4.350			2.950	1.400	4.350			2.950	1.400			-	-	
3	Lĩnh vực Y tế			7.900	7.900	-	7.000	3.950	-	3.050	-	7.000	3.950	-	3.050	-	-		-	-	
3.1	Xây dựng khu điều trị cách ly tại Trung tâm y tế	Ban QLDA ĐTXD	Số 158/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	7.900	7.900		7.000	3.950		3.050		7.000	3.950		3.050				-	-	
4	Lĩnh vực VHXXH			19.100	19.100	-	16.020	-	5.370	10.650	-	15.890	3.000	5.240	7.650	-	-		-130	-	
4.1	Xây dựng hệ thống đèn LED trang trí trên một số trục đường chính trên địa bàn thị xã	Ban QLDA ĐTXD	613/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.000	7.000		6.430		3.430	3.000		6.300	3.000	3.300	-				-130	-	
4.2	Đầu tư hệ thống phun nước và đèn trang trí hồ Long Thủy	Ban QLDA ĐTXD	614/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	7.900	7.900		6.000			6.000		6.000			6.000				-	-	
4.3	Nâng cấp, chỉnh trang Khu văn hóa, thương mại- dịch vụ Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD	612/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	4.200	4.200		3.590		1.940	1.650		3.590		1.940	1.650				-	-	
5	Lĩnh vực KHCN			3.403	3.626	-	3.100	3.100	-	-	-	2.730	-	-	2.730	-	-		-370	-	
5.1	Đầu tư thiết bị 02 phòng vi tính trường TH Phước Tín B và trường THCS Phước Bình	Phòng Kinh tế	1002/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.384	1.547		1.300	1.300				1.130			1.130				-170	-	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22
5.2	Đầu tư xây dựng hệ thống truy cập Wifi công cộng và bổ sung Camera an ninh, giao thông trên địa bàn thị xã Phước Long	Phòng VH&TT	1003/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.019	2.079		1.800	1.800				1.600			1.600				-200	-	
IIIb	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG GIỮA NĂM KH			14.900	14.900	-	-	-	-	-	-	7.450	-	-	540	-	6.910	-	-	7.450	
1	Lĩnh vực Giao thông			14.900	14.900	-	-	-	-	-	-	7.450	-	-	540	-	6.910	-	-	7.450	
1.1	Đầu tư, nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	Ban QLDA ĐTXD		4.500	4.500							2.250					2.250		-	2.250	
1.2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Trãi	Ban QLDA ĐTXD		10.400	10.400							5.200			540		4.660		-	5.200	
IV	VỐN CHƯA PHÂN BỐ			21.184	21.184	0	1.280	0	780	500	0	13.259	0	1.000	2.310	0	3.090	6.859	-780	12.759	
IVa	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH CHƯA PHÂN BỐ			2.305	2.305	-	1.280	-	780	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-780	-	
1	Quy hoạch			2.305	2.305	-	1.280	-	780	500	-	500	-	-	500	-	-	-	-780	-	
1.1	Quy hoạch phân khu kết nối khu Trung tâm hành chính và đô thị mới tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT		2.305	2.305		1.280		780	500		500			500				-780	-	
IVb	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG GIỮA NĂM KẾ HOẠCH			18.879	18.879	-	-	-	-	-	-	12.759	-	1.000	1.810	-	3.090	6.859	-	12.759	
1	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			3.000	3.000	-	-	-	-	-	-	1.390	-	300	190	-	900	-	-	1.390	
1.1	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắc Lung)	Ban QLDA ĐTXD		3.000	3.000							1.390		300	190		900		-	1.390	
2	Chương trình MTQG XD NTM			6.859	6.859							6.859	-	-	-	-	-	6.859	-	6.859	
2.1	Thăm bê tông nhựa đường Điện Biên Phủ (từ ngã ba Phước Quà đến ngã ba Phước Lộc)	Ban QLDA ĐTXD		6.859	6.859							6.859						6.859		6.859	
3	Lĩnh vực VHXXH			7.300	7.300	-	-	-	-	-	-	3.650	-	700	760	-	2.190		-	3.650	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3.1	Đầu tư Lắp đặt bảng thông tin điện tử tại Quảng trường 6-1	Phòng VH TT		2.800	2.800							1.400		280	280		840		-	1.400	
3.2	Đầu tư Trang bị màn hình Led Trung tâm hội nghị thị xã Phước Long và một số thiết bị phụ trợ	Văn phòng HĐND-UBND		4.500	4.500							2.250		420	480		1.350		-	2.250	
4	Lĩnh vực khác			1.720	1.720	-	-	-	-	-	-	860	-	-	860	-	-	-	-	860	
4.1	Đầu tư xây dựng nhà ăn lực lượng thường trực, nhà kho lưu trữ phường Sơn Giang	Ban QLDA ĐTXD		1.720	1.720							860			860		-			860	
V	DỰ ÁN TẤT TOÀN			6.638	6.641	2.570	94	94	-	-	-	151	94	-	-	-	57		-	57	
Va	DANH MỤC ĐẦU NĂM KH			2.870	2.870	2.570	94	94	-	-	-	94	94	-	-	-	-		-	-	
1	Trang bị máy 02 phòng vi tính và 04 phòng anh văn	Phòng Kinh tế	1713/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	2.870	2.870	2.570	94	94	-	-	-	94	94	-	-	-			-	-	
Vb	DANH MỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH			3.768	3.771	-	-	-	-	-	-	57	-	-	-	-	57		-	57	
1	Cung cấp trang thiết bị cho các trường mầm non, mẫu giáo	Phòng GD&ĐT	1373/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	2.497	2.500							13					13		-	13	
2	Đầu tư thiết bị phòng học ngoại ngữ trường TH Phước Tín B, TH Lê Hồng Phong, THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng Kinh tế	3900/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	1.271	1.271							44					44		-	44	
VI	ĐƯA RA NGOÀI KẾ HOẠCH			30.554	30.554	1.613	11.975	2.075	3.100	6.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-11.975	-	
1	Quy hoạch			14.834	14.834	1.613	7.375	2.075	2.100	3.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-7.375	-	
1.1	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp Long Giang	Phòng QLĐT	123/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	1.942	1.942	1.313	629	629			-	-				-	-		-629	-	
1.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và du lịch sinh thái thôn Bàu Nghé, xã Phước Tín	Phòng QLĐT	1470/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	2.306	2.306	300	1.446	1.446	-	-	-	-				-	-		-1.446	-	
1.3	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Phước Long	Phòng QLĐT		4.800	4.800		2.400		700	1.700		-				-			-2.400	-	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 25/12/2023					Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó								
								XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học		XDCB TT	Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn tính hỗ trợ xây dựng phòng học	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	Vốn CT MTQG XD NTM			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13=14+15+16+17+18	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1.4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Bình Giang 1, phường Sơn Giang	Phòng QLĐT		2.306	2.306		1.100		600	500		-		-	-				-1.100	-	
1.5	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 9, phường Long Phước	Phòng QLĐT		1.740	1.740		900		400	500		-		-	-				-900	-	
1.6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Long Điền 2, phường Long Phước	Phòng QLĐT		1.740	1.740		900		400	500		-			-				-900	-	
2	Lĩnh vực Quốc phòng-An ninh			15.720	15.720	-	4.600	-	1.000	3.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.600	-
2.1	Xây dựng trụ sở làm việc và nhà công vụ Công an xã Phước Tín	Ban QLDA ĐTXD	1258/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	4.000	4.000		3.600			3.600		-			-				-3.600	-	
2.2	Xây dựng hàng rào, GPM.3 vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật thị xã Phước Long (gđ 1)	Ban CHQS		11.720	11.720	-	1.000		1.000	-	-	-			-	-			-1.000	-	

BIỂU 1-1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯA RA NGOÀI KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 17 /NQ-HĐND ngày 20/7/2024 của Hội đồng nhân dân thị xã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Lý do	Ghi chú	
					Tổng cộng	Trong đó				
						XDCB TT	Tiền sử dụng đất			Vốn SNKT
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG (I+II+III)		30.554	30.554	11.975	2.075	3.100	6.800		
I	Dự án chuyển tiếp		4.248	4.248	2.075	2.075	-	-		
	Lĩnh vực Quy hoạch		4.248	4.248	2.075	2.075	-	-		
1	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp Long Giang	Phòng QLĐT	1.942	1.942	629	629			Dừng thực hiện do chưa có nhà đầu tư quan tâm	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và du lịch sinh thái thôn Bàu Nghé, xã Phước Tín	Phòng QLĐT	2.306	2.306	1.446	1.446			Dừng thực hiện do nằm trong quy hoạch dự trữ khoáng sản Quốc gia tại Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ	
III	Dự án khởi công mới		4.000	4.000	3.600	-	-	3.600		
	Lĩnh vực Quốc phòng-An ninh		4.000	4.000	3.600	-	-	3.600		
1	Xây dựng trụ sở làm việc và nhà công vụ Công an xã Phước Tín	Ban QLDA ĐTXD	4.000	4.000	3.600			3.600	Dự án đầu tư thuộc khu vực quy hoạch dự trữ khoáng sản Quốc gia tại Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ. UBND thị xã có Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 22/01/2024 đề nghị chấp thuận chủ trương được tiếp tục đầu tư các dự án trong khu vực quy hoạch nêu trên, tuy nhiên đến nay tỉnh chưa có văn bản chỉ đạo. Ban TVTU đồng ý chủ trương đưa ra ngoài kế hoạch và điều chuyển vốn dự án này theo Kết luận cuộc họp ngày 18/7/2024 của Ban TVTU	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Lý do	Ghi chú	
					Tổng cộng	Trong đó				
						XDCB TT	Tiền sử dụng đất			Vốn SNKT
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11
III	Dự án chưa phân bổ vốn (chưa có quyết định phê duyệt)		22.306	22.306	6.300	-	3.100	3.200		
	Lĩnh vực Quy hoạch		10.586	10.586	5.300	-	2.100	3.200		
1	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị Phước Long	Phòng QLĐT	4.800	4.800	2.400		700	1.700	Hồ sơ nhiệm vụ đang trình Sở xây dựng thẩm định. Tuy nhiên, theo ý kiến của các Các Sở, ngành tỉnh hướng dẫn thị xã Phước Long trong giai đoạn không nên lập điều chỉnh tổng thể theo hiện trạng mà chỉ lập điều chỉnh cục bộ để làm cơ sở thực hiện các dự án đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.	
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Bình Giang 1, phường Sơn Giang	Phòng QLĐT	2.306	2.306	1.100		600	500	Dừng thực hiện do nằm trong khu dân cư hiện hữu	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Khu phố 9, phường Long Phước	Phòng QLĐT	1.740	1.740	900		400	500		
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Long Điền 2, phường Long Phước	Phòng QLĐT	1.740	1.740	900		400	500		
	Lĩnh vực Quốc phòng-An ninh		11.720	11.720	1.000	-	1.000	-		

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Lý do	Ghi chú	
					Tổng cộng	Trong đó				
						XDCB TT	Tiền sử dụng đất			Vốn SNKT
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11
5	Xây dựng hàng rào, GPMB vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật thị xã Phước Long (gđ 1)	Ban CHQS	11.720	11.720	1.000		1.000		Dự án đầu tư thuộc khu vực quy hoạch dự trữ khoáng sản Quốc gia tại Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính Phủ. UBND thị xã có Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 22/01/2024 đề nghị chấp thuận chủ trương được tiếp tục đầu tư các dự án trong khu vực quy hoạch nêu trên, tuy nhiên đến nay tỉnh chưa có văn bản chi đạo. Thị ủy đồng ý chủ trương đưa ra ngoài kế hoạch và điều chuyển vốn dự án này tại Kết luận số 394-KL/TU ngày 25/6/2024	

BIỂU 1-2
DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: ~~17~~/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thị xã)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Dự kiến vốn bố trí năm 2024				Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó			
							Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG			30.688	30.688	13.407	1.000	2.350	10.057	
I	Dự án khởi công mới			14.900	14.900	7.450	-	540	6.910	
	Lĩnh vực giao thông			14.900	14.900	7.450	-	540	6.910	
1	Đầu tư, nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	Ban QLDA ĐTXD		4.500	4.500	2.250	-		2.250	Dự án đã được HĐND thông qua danh mục chuẩn bị đầu tư tại Nghị quyết 10/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 và UBND thị xã giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tại Quyết định 893/QĐ-UBND ngày 19/8/2022
2	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Trãi	Ban QLDA ĐTXD		10.400	10.400	5.200	-	540	4.660	
II	Dự án chưa phân bổ (chưa có quyết định phê duyệt dự án)			12.020	12.020	5.900	1.000	1.810	3.090	
	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			3.000	3.000	1.390	300	190	900	
1	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắc Lung)	Ban QLDA ĐTXD		3.000	3.000	1.390	300	190	900	
	Lĩnh vực VHXXH			7.300	7.300	3.650	700	760	2.190	
2	Đầu tư Lắp đặt bảng thông tin điện tử tại Quảng trường 6-1	Phòng VH TT		2.800	2.800	1.400	280	280	840	
3	Đầu tư Trang bị màn hình Led Trung tâm hội nghị thị xã Phước Long và một số thiết bị phụ trợ	Văn phòng HĐND-UBND		4.500	4.500	2.250	420	480	1.350	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn 2021-2025	Dự kiến vốn bố trí năm 2024				Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó			
							Tiền sử dụng đất	Vốn SNKT	Vốn kết dư chuyển sang đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11
	Lĩnh vực khác			1.720	1.720	860	-	860	-	
4	Đầu tư xây dựng nhà ăn lực lượng thường trực, nhà kho lưu trữ phường Sơn Giang	Ban QLDA ĐTXD		1.720	1.720	860		860		
III	Vốn tất toán dự án			3.768	3.768	57			57	
1	Cung cấp trang thiết bị cho các trường mầm non, mẫu giáo	Phòng GD&ĐT		2.497	2.497	13			13	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 07/02/2024
2	Đầu tư thiết bị phòng học ngoại ngữ trường TH Phước Tín B, TH Lê Hồng Phong, THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng Kinh tế		1.271	1.271	44			44	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 04/12/2023

BIỂU 1-3

VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 17 /NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thị xã)

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2024 theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn CT MTQG NTM chi tiết			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó		
					Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	6.859		6.859	-	6.859	
	Dự án khởi công mới						
1	Thảm bê tông nhựa đường Điện Biên Phủ (từ ngã ba Phước Quả đến ngã ba Phước Lộc)	6.859	Ban QLDA ĐTXD	6.859	-	6.859	